TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2018
V/v: Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Minh Vương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kha
2. Ông Huỳnh Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc "*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị Li N, sinh năm 1990
2. Bị đơn: Lê Tuấn T, sinh năm 1980
Cùng địa chỉ: Thôn G, xã Đức T, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.
Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2017, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị Li N trình bày: Tôi và anh Lê Tuấn T tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Thắng vào ngày 11/02/2015. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T là người gia trưởng, không lo làm ăn mà suốt ngày ăn chơi ngoài đường, không quan tâm gì đến vợ con. Tôi đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh Tuân vẫn không thay đổi từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Cuối năm 2016 tôi có gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng thời điểm đó anh T đến Tòa án hứa hẹn thay đổi và động viên tôi rút đơn khởi kiện. Nay tình cảm vợ chồng

giữa tôi và anh T đã không còn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Tuấn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Mỹ L, sinh ngày 08/8/2015. Hiện nay cháu L đang bị bệnh tật nặng và đang được hưởng chế độ theo quy định của nhà nước. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Đều không có.

* Bị đơn anh Lê Tuấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai tại Tòa án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự cho rằng Thẩm phán, Thư ký tòa án, các Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn đều thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về con chung: Giao cháu Lê Mỹ L, sinh ngày 08/8/2015 cho chị Ni nuôi dưỡng; anh Tuân cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về Tài ản chung, nợ chung: Không có

Về án phí: Chị i, anh Tuân chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Những tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh tên Lê Mỹ L (bản sao); CMND tên Phạm Thị Li N (bản sao), sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); Quyết định về việc trợ cấp xã hội và hỗ trợ kinh phí cho gia đình chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội (bản phô tô).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Tuấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thi Li N và anh Lê Tuấn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/2/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Quan hệ hôn nhân giữa chị Ni và anh Tuân là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, bị đơn không quan tâm đến gia đình, nguyên đơn đã khuyên bảo nhiều lần nhưng bị đơn không thay đổi nên giữa nguyên đơn và bị đơn xảy ra mâu thuẫn nên nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Sau khi thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã mời hai bên đến để hòa giải, động viên anh chị trở lại đoàn tụ chung sống, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị N không những không đồng ý mà còn cương quyết yêu cầu ly hôn anh T. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập bị đơn đến Tòa án làm việc, hòa giải nhưng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Tuân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu ly hôn của nguyên đơn.

[3]Về con chung: Nguyên đơn có yêu cầu nuôi con chung là Lê Mỹ L, sinh ngày 08/8/2015. Xét thấy hiện nay cháu Lâm đang bị bệnh tật bẩm sinh nên cháu Lâm cần có sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về tinh thần của cháu; về nguyên tắc, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Căn cứ vào khoản 3, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của nguyên đơn được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.50.000đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Căn cứ vào Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình và Hướng dẫn tại mục 2, phần III Công văn số 24/1999/KHXX, ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao *"Về việc giải đáp bổ sung một số vấn đề áp dụng pháp luật"* thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con là hợp lý nhưng nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là quá cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

[5]Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh T phải chịu 300.000đồng án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Cho nguyên đơn Phạm Thị Li N được ly hôn bị đơn Lê Tuấn T.

2. Giao cháu Lê Mỹ L, sinh ngày 08/8/2015 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu L mỗi tháng 1.000.000đồng (*Một triệu đồng)* cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 15/5/2018. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Chị Phạm Thị Li N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000933, ngày 08 tháng 01 năm 2018. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lê Tuấn T phải chịu tiền án phí sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Chị Phạm Thị Li N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (15/5/2018). Đối với anh Lê Tuấn T không có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND huyện Mộ Đức;*
- *Chi cục THADS huyện Mộ Đức;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đức Thắng;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Huỳnh Văn Hiền **Nguyễn Kha** **Phạm Minh Vương**

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND huyện Mộ Đức;*
- *Chi cục THADS huyện Mộ Đức;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đức Thắng;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thu Dung **Ngô Thị Kim Ngân** **Phạm Minh Vương**

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi*
- *VKSND huyện Mộ Đức*
- *Chi cục THADS huyện Mộ Đức*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đức Hiệp;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương